

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS – ST

Ngày: 18/3/2024

“*V/v tranh chấp hợp tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thái Thanh.
- Ông Siu Thun Phrào.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST – DS, ngày 04 tháng 12 năm 2023; về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST – DS, ngày 31 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST – DS, ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn P – Trưởng phòng G – Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1 (Văn bản ủy quyền số 471/UQ/HĐQT – NHCT18).

Địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1991 và chị Bùi Thị N, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn L, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn (Người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1 – P1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho vay anh **Nguyễn Hữu T1** (sau đây gọi tắt là khách hàng vay) vay vốn tại Hợp đồng cho vay số: 1343/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYỄN HỮU THUẬN ngày 23/11/2018, với số tiền cho vay: 460.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng (Từ ngày 23/11/2018 đến ngày 23/11/2019); Mục đích vay vốn: Bổ sung chi phí Chăm sóc vườn tiêu, cà phê kinh doanh; ngày 16/03/2022, anh **T1** đã trả số tiền gốc 310.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu đồng); Dư nợ gốc hiện tại: 150.000.000 đồng;

Tài sản bảo đảm: **Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh G1 - PGD** Chư Puh cho anh **Nguyễn Hữu T1**, và chị **Bùi Thị N** vay vốn có bảo đảm bằng tài sản như sau:

Tại hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1343/2018/HĐBĐ/NHCT500 ngày 16/11/2018 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1 – PGD** Chư Puh với anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N**, tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất **Thôn L, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai** (thửa đất số: 1; tờ bản đồ số: 4); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 442660 do **UBND huyện C, tỉnh Gia Lai** cấp ngày 14/11/2013.

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất **Thôn C, xã I, huyện C (nay là Thôn L, xã I, Huyện C), tỉnh Gia Lai** (thửa đất số: 34b; tờ bản đồ số: 17); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số AI 529401 do **UBND huyện C, tỉnh Gia Lai** cấp ngày 08/08/2007. (Tài sản đã được Ngân hàng giải chấp, khách hàng trả nợ gốc ngày 16/03/2022 số tiền 310.000.000 đồng).

Quá trình đôn đốc thu hồi nợ: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, anh **Nguyễn Hữu T1** đã vi phạm Hợp đồng cho vay số: 1343/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYỄN HỮU THUẬN ngày 23/11/2018. Cụ thể: Đến kỳ hạn trả nợ lãi vay ngày 24/12/2018 khách hàng đã không trả nợ đến hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc trực tiếp nhưng anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** vẫn không trả nợ.

Ngày 25/12/2018, toàn bộ số tiền vay của anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** đã bị chuyển sang nợ quá hạn theo quy chế cho vay, quy định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng theo quy định của Thống đốc **N1**.

Căn cứ vào các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng cho vay số: 1343/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYỄN HỮU THUẬN ngày 23/11/2018 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1343/2018/HĐBĐ/NHCT500 ngày 16/11/2018 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1 - PGD** Chư Puh và anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N**.

Nay **Ngân hàng TMCP C** khởi kiện anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số: 1343/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYỄN HỮU THUẬN ngày 23/11/2018 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1343/2018/HĐBĐ/NHCT500 ngày 16/11/2018, cụ thể:

Buộc anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP C** thông qua **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1 – Phòng giao dịch huyện C** với số tiền gốc là 150.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày

18/3/2024 là 246.573.619đồng; tổng cộng là **396.573.619đồng**; (Ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười chín đồng); Yêu cầu trả lãi phát sinh, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và các khoản phí (nếu có) đến ngày thu hồi nợ.

Trường hợp khách hàng vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất **Thôn L, xã I, Huyện C, tỉnh Gia Lai** (thửa đất số: 1; tờ bản đồ số: 4); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 442660 do **UBND huyện C**, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2013, để thu hồi nợ cho **Ngân hàng TMCP C**.

Trường hợp số tiền thu được từ phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** thì anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** có nghĩa vụ dùng các tài sản khác thuộc sở hữu của mình để trả đủ khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án – anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** đã được tòa án Tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo khác để viết bản tự khai trình bày ý kiến của mình về nội dung và yêu cầu của người khởi kiện, cũng như tham gia phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng anh **T1** và chị **N** không có mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, anh **T1** và chị **N** vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát.**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kê từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa cơ bản là đúng và đủ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 299, 320, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí Xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

* **Đối với tài liệu, chứng cứ của vụ án:** Trong vụ án này, nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa Ngân hàng với anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP C** thông qua **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1** – Phòng giao dịch **huyện C, tỉnh Gia Lai** với số tiền gốc là 150.000.000đồng; nợ lãi tính đến ngày 18/3/2024 là 246.573.619đồng; tổng cộng là **396.573.619đồng**; (*Ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười chín đồng*); Yêu cầu trả lãi phát sinh, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và các khoản phí (nếu có) đến ngày thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ tiền vay cho anh **T1** và chị **N** đúng thời gian và tiến độ. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay anh **T1** và chị **N** đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Theo quy định của các hợp đồng tín dụng thì khi đến kỳ hạn trả nợ nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn gốc, lãi và không được điều chỉnh, gia hạn kỳ hạn trả nợ gốc, lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Do anh **T1** và chị **N** đã vi phạm điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu thanh toán số nợ còn lại ở trên là có cơ sở. Việc tính lãi của Ngân hàng theo mức lãi suất mà ngân hàng áp dụng đối với bị đơn theo đúng quy định của **Ngân hàng N2**, do đó việc tính lãi của Ngân hàng là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được Tòa án triệu tập đến lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh **T1** và chị **N** đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng TMCP C**.

[3] Xét hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất **Thôn L, xã I,**

Huyện C, tỉnh Gia Lai (thửa đất số: 1; tờ bản đồ số: 4); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 442660 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2013. Qua buổi xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất đúng vị trí, đúng số thửa, đúng tờ bản đồ; hiện không phát sinh tranh chấp với bên thứ 3.

Xét thấy hình thức và nội dung Hợp đồng thế chấp trên phù hợp theo quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác, theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các hợp đồng tín dụng trên để thu hồi nợ khi anh T1 và chị N không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] **Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Buộc anh T1 và chị N trả lại cho Ngân hàng 4.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[5] **Về án phí:** Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 144; Điều 147; 155; 157; 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP C.

1. Buộc anh Nguyễn Hữu T1 và chị Bùi Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C thông qua Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1 – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Gia Lai với số tiền gốc là 150.000.000đồng; nợ lãi tính đến ngày

18/3/2024 là 246.573.619đồng; tổng cộng là **396.573.619đồng**; (*Ba trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm mười chín đồng*).

2. Trong trường hợp anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** không thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại **thôn L, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai** (thửa đất số: 1; tờ bản đồ số: 4); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 442660 do **UBND huyện C**, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/2013, để thu hồi nợ.

3. Buộc anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** trả lại cho **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1** – Phòng giao dịch **huyện C, tỉnh Gia Lai** 4.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. **Về án phí:** Buộc anh **Nguyễn Hữu T1** và chị **Bùi Thị N** phải chịu án phí DSST là **19.828.681đ**, để sung quỹ Nhà nước, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- **Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh G1** – Phòng giao dịch **huyện C, tỉnh Gia Lai** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 9.668.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005904, ngày 04/12/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh;
- THA dân sự huyện Chư Pưh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

Dương Nam Anh Chinh